

ĐỔI MỚI CÁCH LÀM GIÁO DỤC

PGS.TS. ĐÀO THÁI LAI
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Trong nhiều năm gần đây, cải tổ giáo dục là một đề tài thảo luận rất sôi động trên các diễn đàn quốc tế, giáo dục luôn bị chỉ trích là lạc hậu và không đáp ứng yêu cầu phát triển ở nhiều nước, không chỉ ở Việt Nam¹.

Giáo dục Việt Nam trong quá trình phát triển ở thời kì đổi mới luôn luôn có những thách thức lớn. Làm thế nào để giáo dục đổi mới căn bản và toàn diện, ngoài việc đưa ra các mục tiêu và nội dung đúng, cần có cách làm phù hợp để đạt được mục tiêu đổi mới giáo dục. Việc đưa ra cách làm đúng dựa trên phân tích một số mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển giáo dục. Định hướng giải quyết các mâu thuẫn sẽ cho ta cách làm giáo dục phù hợp.

Trong bài biết này, chúng tôi phân tích và đưa ra một số mâu thuẫn chủ yếu. Các mâu thuẫn được sắp xếp theo thứ tự xét từ bình diện chung nhất (các quy luật về triết học, về cơ chế, về các lĩnh vực chung) tới các mâu thuẫn xét từ góc độ đặc thù riêng của giáo dục như chất lượng và quy mô giáo dục, chương trình sách giáo khoa,...

1. Mâu thuẫn giữa việc coi trọng tầm nhìn về vai trò quan trọng của giáo dục với những hành động cụ thể chưa đủ hiệu quả trong phát triển giáo dục

Ở các nước như Mĩ, Hàn Quốc, Singapore,... các tuyên ngôn, tầm nhìn, các chiến lược phát triển giáo dục thường đều do người đứng đầu quốc gia khởi xướng và chỉ đạo. Việc thực hiện các kế hoạch, chiến lược giáo dục được triển khai thực sự thông qua bộ máy chính quyền, qua các cơ chế cụ thể và được đánh giá giám sát thường xuyên.

Đại hội 17 của Đảng Cộng sản Trung Quốc (năm 2007), khi bàn về giáo dục đã khẳng định việc ưu tiên phát triển giáo dục, xây dựng Trung Quốc trở

thành cường quốc về nguồn nhân lực. Các nước có thành tựu phát triển như Ireland, Singapore, Hàn Quốc đều coi việc phát triển giáo dục là ưu tiên hàng đầu để nhanh chóng phát triển đất nước. Thủ tướng của Singapore vào thập kỉ 90, Lí Quang Diệu, đã tuyên bố: cạnh tranh quốc tế thực chất là cạnh tranh giáo dục. Ở Mĩ, mỗi đời tổng thống đều có tuyên ngôn theo dõi, ra các điều luật, chương trình cải cách giáo dục (Luật không để trẻ em nào tụt hậu của Tổng thống Mĩ G.W Bush năm 2001 (phụ lục 3), chương trình vượt lên tốp đầu (race to the top) của Tổng thống Mĩ B. Obama,...).

Việt Nam là nước đang phát triển, mới qua ngưỡng nước nghèo, đã có tuyên ngôn về tầm quan trọng của giáo dục, nhưng chưa thực sự thể hiện trong hành động cụ thể. Chiến lược giáo dục được Chính phủ ban hành nhưng việc tổ chức triển khai, giám sát, đánh giá và điều chỉnh, tổng kết không được sự quan tâm của các lãnh tụ, lãnh đạo, các chính khách, các bộ, ngành, địa phương.²

*** Giải pháp về cách làm:** Các lãnh tụ của Đảng, Nhà nước cần có các tuyên ngôn, hành động quyết liệt và thường xuyên trong điều hành chỉ đạo phát triển giáo dục. Từng địa phương cùng tất cả các ngành cần có chính sách cụ thể, có kế hoạch triển khai, giám sát và đánh giá hiệu quả các chính sách đó nhằm phát triển giáo dục liên tục.

Các động thái quan tâm đến phát triển giáo dục của lãnh tụ sẽ có tác động lớn tới sự quan tâm của toàn xã hội, để tất cả các ban ngành đều có những đóng góp lớn cho sự nghiệp giáo dục, có như vậy giáo dục mới thực sự là quốc sách hàng đầu.

Tăng cường các hoạt động đánh giá giám sát

¹ Giáo dục và cải cách nhằm thúc đẩy chất lượng giáo dục luôn là chủ đề nóng trong các cuộc tranh luận về chính trị ở nhiều quốc gia. Năm 2000, Chương trình đánh giá sinh viên quốc tế (PISA) của OECD bắt đầu khảo sát việc học tập độ tuổi 15 ở 32 quốc gia vào năm 2000. Công ty tư vấn Mc Kinsey trong những năm gần đây cũng tiến hành đánh giá các hệ thống giáo dục tiên bộ nhất trên thế giới. Các kết quả cho thấy nhiều bất ngờ về thứ bậc xếp hạng. Có 3 nguyên nhân thất bại của giáo dục phương Tây được nêu ra là: chỉ tiêu tiết kiệm của chính phủ; tầng lớp xã hội; văn hóa không coi trọng giáo dục. A.Slây-cha, nhà phân tích hàng đầu tại PISA cho rằng, chỉ khoảng 10% sự khác nhau trong giáo dục học sinh có liên quan đến tiền. 20 nền kinh tế hàng đầu trong OECD đã tăng gấp đôi hoặc gấp ba chi tiêu giáo dục của họ trong khoảng thời gian 1970 - 1994, nhưng kết quả vẫn trì trệ, thậm chí thụt lùi. Chi tiêu cao nhất là ở Mĩ, nhưng Mĩ đứng sau các nước phát triển khác về các kết quả tổng thể trong giáo dục trung học. *

² Các lãnh tụ hiện đại bao giờ cũng coi trọng vai trò của giáo dục trong lời nói cũng như trong hành động. Họ luôn theo dõi và có các hành động cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của giáo dục. Đơn cử hai trường hợp, trường hợp thứ nhất của tổng thống Mĩ Barack Obama, nếu ta bấm từ "Obama nói về giáo dục" thì chương trình Google sẽ cho hiện trên 900 triệu kết quả. Xem kĩ thì thấy những phát biểu rất hệ thống trong suốt nhiệm kì của tổng thống Mĩ về các lĩnh vực giáo dục như điều chỉnh những mục tiêu cần đạt cho giáo dục "không để trẻ em nào bị tụt hậu" của Tổng thống tiền nhiệm Bush, chương trình "race to the top", về cải cách giáo dục, về tăng cường chất lượng giáo viên toán, khoa học, về giáo dục mầm non, về lựa chọn trường học,... Tổng thống Lee Myung Bak cũng thường xuyên phát biểu và hành động thúc đẩy giáo dục Hàn Quốc. Lee coi giáo dục là một động lực quan trọng trong phát triển đất nước (năm 2011, Hàn Quốc lần đầu tiên gia nhập câu lạc bộ 1000 tỉ đô la - có 9 nước tất cả). Việt Nam ban hành chiến lược, thành lập Ủy ban Quốc gia Giáo dục nhưng rõ ràng không có điều hành cụ thể trong thực hiện chiến lược giáo dục.

thường xuyên, điều chỉnh các hoạt động giáo dục từ trung ương tới địa phương. Những yếu kém của giáo dục phải được toàn xã hội giải quyết.

Chúng ta đã có những tuyên ngôn về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tuy nhiên chỉ là tuyên ngôn chung chung, chưa cụ thể, ở giai đoạn nào cần tới loại nhân lực gì. Chẳng hạn, cần có tầm nhìn ngắn hạn trong bối cảnh hội nhập trong khu vực. Để chuẩn bị nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực trong tầm nhìn tới năm 2015, khi mà ASEAN trở thành thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất bao gồm hài hòa hóa các tiêu chuẩn sản phẩm và quy chế, giải quyết nhanh chóng hơn các thủ tục hải quan và thương mại, và hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ. Mô hình liên kết kinh tế khu vực dựa trên những cơ chế liên kết kinh tế hiện có của ASEAN có bổ sung thêm hai nội dung mới **là tự do di chuyển lao động** và di chuyển vốn tự do hơn³. Cần tính toán những gì giáo dục cần làm để tạo nguồn nhân lực đủ sức cạnh tranh thành công trong bối cảnh: ASEAN trở thành “thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất” chủ động chuẩn bị nhân lực để đáp ứng “tự do di chuyển lao động và di chuyển vốn”.

Hoạt động của các tổ chức như Hội đồng quốc gia giáo dục, các ủy ban về giáo dục cần có chất lượng và hiệu quả hơn.

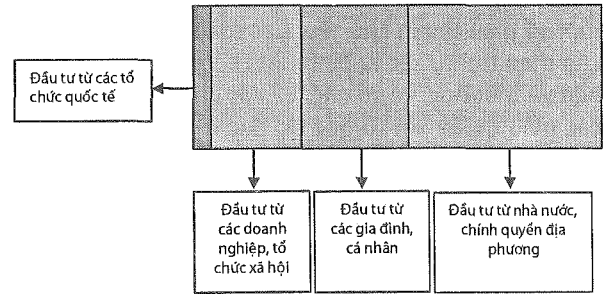
2. Mâu thuẫn giữa nguy cơ tụt hậu về đầu tư cho giáo dục so với các nước khác ngày càng tăng với mong muốn ưu tiên đầu tư cho giáo dục trong cạnh tranh quốc tế

Ý thức được rằng cạnh tranh quốc tế thực chất là cạnh tranh về giáo dục và đào tạo, hiện nay tất cả các nước, kể cả các nước có nền kinh tế phát triển cao đã và đang đầu tư cho phát triển giáo dục, nguồn kinh phí dành cho phát triển giáo dục cao.

Nguy cơ không đủ sức để phát triển giáo dục nhanh chóng làm giảm khả năng cạnh tranh của nguồn nhân lực trong tương lai của Việt Nam sẽ kéo theo nguy cơ tiếp tục tụt hậu hơn nữa về trình độ phát triển kinh tế - xã hội. Như các sản phẩm kinh tế khác, quá trình giáo dục đòi hỏi sự tiêu dùng các nguồn lực khác nhau. Trong bối cảnh cạnh tranh quyết liệt về giáo dục hiện nay, nếu chỉ dựa vào kinh phí của Nhà nước để phát triển giáo dục, chắc chắn nền giáo dục của chúng ta không thể cạnh tranh được với các nước phát triển trên thế giới.

*** Giải pháp về cách làm:** Đa dạng hóa, huy động tối đa các nguồn lực giáo dục; Đa dạng hóa các loại hình giáo dục; Đa dạng hóa các cơ sở giáo dục.

- Tận dụng tối đa khả năng phát triển giáo dục từ các nguồn lực khác nhau; Tạo chính sách, cơ chế, phương thức phát triển giáo dục nhằm tăng dần tỉ trọng đầu tư từ các nguồn gia đình, cá nhân, doanh nghiệp.



Hiện nay, các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế đều có nhu cầu đào tạo nhân lực phục vụ sự phát triển của mình, phù hợp nhu cầu về công nghệ, nhu cầu về chất xám, nhu cầu về lao động các trình độ, các loại hình riêng phù hợp với nhu cầu của tập đoàn, của công ty. Kèm theo đó là tăng cường số lượng các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập, tư nhân; Khuyến khích các cơ sở đào tạo nghề ở các doanh nghiệp, tập đoàn, có cơ chế và chính sách để huy động tối đa đóng góp của các doanh nghiệp, công ty, nhà máy, cơ sở sản xuất đầu tư cho giáo dục, trước hết là đầu tư cho các cơ sở giáo dục, dạy nghề phục vụ đào tạo nhân lực cho cơ sở mình.

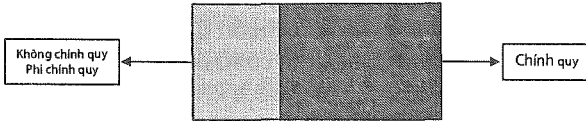
Với truyền thống hiếu học của dân tộc Việt Nam, có thể và cần thiết có chính sách huy động các gia đình đầu tư cho việc giáo dục, đào tạo con em của mình. Ở nhiều nước Châu Á, nơi có truyền thống đầu tư cho con cái học tập, nhiều gia đình đã dành tỉ lệ kinh phí đáng kể chi cho việc học tập của con em họ⁴.

⁴ Theo UNESCO, trung bình một gia đình ở Trung Quốc chi 10% tiền tích lũy cho giáo dục và khoản tiền này chỉ đứng sau khoản tiền dành cho việc mua nhà. Năm 2002, người dân Trung Quốc bỏ ra 40 tỉ USD cho giáo dục và số tiền này lên đến 90 tỉ USD năm 2005, theo các tổ chức nghiên cứu. Bất chấp kinh tế lún sâu vào khủng hoảng, mức đầu tư cho

³ Tuyên bố Hòa hợp ASEAN II nhấn mạnh: Cộng đồng Kinh tế ASEAN là việc thực hiện mục tiêu cuối cùng của hội nhập kinh tế trong "Tầm nhìn ASEAN 2020", nhằm hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao, trong đó hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do, và vốn được lưu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều, xóa nghèo và chênh lệch kinh tế-xã hội được giảm bớt vào năm 2020. Kế hoạch trung hạn 6 năm lần thứ hai của ASEAN (2004-2010)- Xây dựng ASEAN thành "một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất" nhất bao gồm: hài hòa hóa các tiêu chuẩn sản phẩm (hợp chuẩn) và qui chế, giải quyết nhanh chóng hơn các thủ tục hải quan và thương mại, và hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ. Các biện pháp để xây dựng một cơ sở sản xuất ASEAN thống nhất sẽ bao gồm: củng cố mạng lưới sản xuất khu vực thông qua nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, công nghệ thông tin và viễn thông, và phát triển các kĩ năng thích hợp. Nói cách khác, AEC là mô hình liên kết kinh tế khu vực dựa trên và nâng cao những cơ chế liên kết kinh tế hiện có của ASEAN có bổ sung thêm hai nội dung mới là **tự do di chuyển lao động** và di chuyển vốn tự do hơn. Các biện pháp chính mà ASEAN sẽ cần thực hiện để xây dựng một thị trường ASEAN thống nhất. Các biện pháp nói trên đều đã và đang được các nước thành viên ASEAN triển khai trong khuôn khổ các thỏa thuận và hiệp định của ASEAN.

Cũng cần có chính sách đi đôi với tận dụng đầu tư từ gia đình là đảm bảo công bằng xã hội về giáo dục, đảm bảo cung ứng giáo dục cho các đối tượng khó khăn, cho các vùng dân tộc thiểu số,...

- Đa dạng hóa các loại hình giáo dục; Vấn đề đặt ra ngay từ việc xem xét hệ thống giáo dục quốc dân, cùng với cốt lõi là giáo dục chính quy, các loại hình giáo dục, đào tạo khác từ đó có hệ thống nhiều cơ sở đào tạo khác nhau để chúng có vai trò ngày càng quan trọng trong việc phát triển chất lượng nguồn nhân lực⁵.



Do nguồn tài chính hạn hẹp, nhà nước là nhân vật chính phải cày cấy đáng đay đủ tài chính cho tất cả các cấp học, các trình độ đào tạo. Điều này làm cho kinh phí đầu tư, nguồn lực đầu tư bị căng mỏng để phủ toàn hệ thống trong mọi cuộc đổi mới. Rốt cuộc, mức độ đầu tư không đủ để tạo ra một chuyển biến mới cho tất cả các thành phần của hệ thống. Hiện nay, dù đã hình thành xu thế thị trường hóa giáo dục nhưng ở mọi nơi trên thế giới, chính phủ vẫn đóng vai trò lớn mang tính quyết định trong sự nghiệp giáo dục, cung cấp phần lớn ngân sách cho giáo dục, bảo đảm *giáo dục về cơ bản vẫn là một lợi ích công*. Ngay ở các nước OECD, nơi có nhiều nước như Mỹ, Úc, New Zealand, Nhật Bản, Thụy Sĩ ra tuyên bố chính thức cổ vũ cho việc tự do hóa thương mại dịch vụ giáo dục, thì trong suốt thập kỷ 1995-2004, chi ngân sách nhà nước cho giáo dục không ngừng tăng cả về con số tuyệt đối lẫn tính theo đầu người học. Ở Việt Nam, giáo dục luôn phải đương đầu với *mâu thuẫn lớn giữa một bên là yêu cầu cao về mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng với một bên là sự hạn hẹp của nguồn lực tài chính*. Mặc dù chi ngân sách cho giáo dục tăng và hiện đã chiếm 20% tổng chi ngân sách, nhưng mâu thuẫn đó vẫn gay gắt và sẽ tiếp tục gay gắt do quy mô giáo dục không ngừng mở rộng trên toàn hệ thống, yêu cầu về chất lượng cũng đa dạng và nghiêm ngặt hơn.

Ngày nay, việc cung ứng giáo dục ở hầu như mọi nơi trên thế giới đều tuân theo nguyên tắc chia sẻ chi phí giữa nhà nước và người học. Nhà nước sẽ không

giáo dục của các gia đình ở Hàn Quốc đạt mức kỉ lục gần 40 ngàn tỉ won (29,6 tỉ USD) năm 2008. Theo số liệu được Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc công bố ngày 29/3/2009, một nửa số tiền trên chỉ cho giáo dục tư và phần còn lại cho lĩnh vực công. Tổng mức đầu tư cho giáo dục của các gia đình Hàn Quốc năm 2008 tăng 7,7 phần trăm so với năm trước đó và đạt mức cao chưa từng có trong điều kiện kinh tế khó khăn.

⁵ Luật Giáo dục của Thái Lan quy định rõ Hệ thống giáo dục quốc dân gồm: giáo dục chính quy, giáo dục không chính quy và giáo dục phi chính quy (formal, non-formal, and informal education).

độc quyền trong cung ứng giáo dục, yêu cầu người học phải trả một phần chi phí cho việc học bởi lẽ giáo dục không chỉ đem lại lợi ích cho xã hội mà còn đem lại lợi ích cho cá nhân, đặc biệt ở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học và giáo dục người lớn. Mức độ chia sẻ chi phí tùy theo chính sách và điều kiện cụ thể của quốc gia. Việc thay đổi mô hình chi phí giáo dục là một vấn đề cần thực hiện, đòi hỏi có nghiên cứu kĩ.

3. Mâu thuẫn giữa cách thiết kế triển khai mô hình giáo dục mới với quy luật hình thành các yếu tố mới trong phát triển kinh tế - xã hội

Triết học duy vật biện chứng Mác - Lênin chỉ ra rằng, những mầm mống, yếu tố của một giai đoạn phát triển mới của mỗi sự vật, hiện tượng bao giờ cũng tồn tại trong giai đoạn trước của sự vật, hiện tượng đó.

Muốn giáo dục phát triển đúng quy luật, cần để các yếu tố mới của hệ thống giáo dục mới được nảy nở, thử thách và hoàn thiện, phát triển từ ngay trong lòng hệ thống hiện hành. Hiện nay, việc duy trì cơ chế quản lí bao cấp, mang tính mệnh lệnh sẽ kìm hãm sự xuất hiện của các yếu tố mới trong giáo dục, không tạo điều kiện để những sáng kiến mới, mô hình giáo dục mới kịp nảy sinh và phát huy tác dụng. Chúng ta thường tập trung chỉ đạo phát triển Giáo dục theo một mô hình nào đó (thường là do chỉ một nhóm chuyên gia đề xuất, bỏ qua các mô hình khác), việc thử nghiệm thí điểm mô hình dự kiến chỉ có thể chứng tỏ rằng mô hình đề xuất có thể tồn tại được, chưa chỉ ra rằng tất cả các mô hình khác là kém hơn. Thêm vào đó, việc triển khai mô hình mới được thực hiện đồng loạt cùng một lúc. Như vậy, nhiều địa phương, cơ sở giáo dục chưa kịp chuẩn bị đầy đủ điều kiện cho mô hình mới sẽ không thể triển khai mô hình mới một cách có chất lượng.

*** Giải pháp về cách làm:** Cho phép thử nghiệm các mô hình giáo dục đa dạng, áp dụng các phương thức đào tạo tiên tiến (tiến hành bởi các nhóm nghiên cứu, các nhà đầu tư khác nhau), đồng thời tuân thủ các quy định nhằm giáo dục truyền thống văn hóa, đạo đức, đảm bảo hệ thống tư tưởng chính trị do nhà nước quy định trong giáo dục thế hệ trẻ.

Việc phát triển giáo dục thực chất là đổi mới chính sách, đưa ra các mô hình giáo dục mới. Một mô hình giáo dục không thể khẳng định ngay qua những lập luận lí thuyết, những mong muốn chủ quan duy ý chí. Mô hình giáo dục phải được thử thách trong thực tiễn và được so sánh với các mô hình khác. Khi có nhiều mô hình giáo dục sẵn có trong tay, nhà nước sẽ dễ dàng có phương án lựa chọn một mô hình hoặc một vài mô hình để triển khai ở các địa bàn khác nhau. Như vậy, yếu tố mới của giáo dục tương lai được hình thành, thử thách trong lòng nền giáo dục hiện hành.

Khi một mô hình giáo dục mới được triển khai thì đương nhiên không phải toàn bộ hệ thống giáo dục, tất cả các cơ sở trường học, đội ngũ giáo viên và các điều kiện ở từng cơ sở đều đảm bảo để thực hiện tốt mô hình mới. Vì vậy, cần thực hiện theo *phương thức “vết dầu loang”*. Nếu tính hiệu quả của một mô hình đã được khẳng định thì Nhà nước lựa chọn và cho phép các địa phương, cơ sở áp dụng nó khi đã đủ điều kiện áp dụng mô hình mới và cam kết đảm bảo chất lượng theo chuẩn đặt ra với mô hình mới này. Như vậy, sẽ xảy ra hiện tượng sáu: mô hình mới bắt đầu được triển khai ở một số thành phố, tỉnh, khu vực hoặc cơ sở trường học, rồi dần dần được mở rộng ra các tỉnh thành, khu vực, các trường khác. Cuối cùng sẽ phủ kín toàn quốc. Mô hình giáo dục mới xuất hiện như một yếu tố mới trong hệ thống văn hóa – xã hội, vì vậy nó luôn được dư luận xã hội chú ý, kì vọng và đánh giá, phê phán. Việc phát triển mô hình mới một cách dần dần giúp cho xã hội làm quen và nhìn nhận được dần những ưu điểm của nó, tạo sự đồng thuận của xã hội về đổi mới giáo dục.

Cách làm này tuy có phần phức tạp hơn cho quản lí các cấp (quản lí 2 mô hình giáo dục) nhưng đảm bảo sự bền vững của mô hình giáo dục mới.

4. Mâu thuẫn giữa nhu cầu tạo động lực của giáo dục với cơ chế quản lí quan liêu, bao cấp, ban phát của giáo dục hiện nay

Một trong những đặc điểm của sự phát triển trong hoạt động xã hội là tạo ra sự cạnh tranh – động lực phát triển quan trọng của các tổ chức, hệ thống xã hội. Cạnh tranh trong các hoạt động giáo dục sẽ làm chất lượng giáo dục được cải thiện.

Cơ chế quan liêu, bao cấp hiện nay làm triệt tiêu sự cạnh tranh, thủ tiêu động lực phát triển của từng cá nhân, từng đơn vị giáo dục. Hiện nay, việc xây dựng cơ chế lương, thâm niên cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí mang tính cào bằng, không khuyến khích sự vươn lên, tạo động lực phấn đấu thăng tiến trong sự nghiệp.

*** Giải pháp về cách làm:** *Tạo chính sách, cơ chế nhằm tạo sự cạnh tranh trong hoạt động giáo dục.*

Tạo cạnh tranh giữa giáo viên với nhau trong tập thể, cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục, cạnh tranh trong thi tuyển vào vị trí giáo viên,... Dần dần, khôi phục vị thế của người giáo viên trong xã hội (thông qua chế độ lương bổng, đãi ngộ).

Hiện nay, không phải lương giáo viên thấp là nguyên nhân dẫn đến chất lượng giáo dục thấp. Ở một số nơi, lương giáo viên cũng được đánh giá là khá cao so với mặt bằng kinh tế - xã hội của vùng (như lương của giáo viên các xã vùng cao chẳng hạn). Nếu có cơ chế tạo động lực tốt thì đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí sẽ tích cực và say sưa với sự nghiệp của mình hơn.

Cạnh tranh sẽ là một động lực quan trọng cho giáo viên và cán bộ quản lí trong sự nghiệp giáo dục của mình. Để tạo sự cạnh tranh trong giáo dục, cần có phương thức đánh giá phù hợp, đánh giá và trả công dựa vào hiệu quả công việc. Để đánh giá khách quan, cần các đơn vị đánh giá độc lập.

Cạnh tranh không chỉ trong đội ngũ giáo viên, có thể tạo ra cạnh tranh trong các lĩnh vực khác như cạnh tranh trong đội ngũ tác giả SGK, cạnh tranh trong nghiên cứu khoa học giáo dục (chẳng hạn cho phép có nhiều bộ SGK, giáo trình ứng với chương trình cho trước,...).

Cần xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá cụ thể, có thể đo, đong đếm được. Trên cơ sở đó có thể xếp hạng các cơ sở giáo dục, có chính sách khuyến khích đầu tư cho các cơ sở giáo dục đạt được tiến bộ trên bảng xếp hạng. Việc công khai hóa các xếp hạng sẽ là động lực phát triển cho từng cơ sở giáo dục.

5. Mâu thuẫn giữa mục tiêu, nhu cầu, quy mô phát triển giáo dục lớn với thực tế nguồn lực dành cho giáo dục lại có ít, đầu tư dàn trải, mặc dù là ngành đào tạo nhân lực nhưng nhân lực của chính ngành Giáo dục lại hạn chế

Nhu cầu phát triển giáo dục lớn nhưng nguồn lực dành cho giáo dục hạn hẹp, diện đầu tư rộng, dàn trải dẫn tới chất lượng giáo dục ngày càng thấp trái với mong muốn, kì vọng cao ở giáo dục. Đầu có tăng tỉ lệ đầu tư cho giáo dục lên trên 20% ngân sách quốc gia thì kinh phí đầu tư bình quân cho người học cũng là ít so với các nước.

*** Giải pháp về cách làm:** *Chuyển từ đầu tư dàn trải sang đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.*

Trong quá trình phát triển giáo dục các nước, việc tập trung vào đổi mới một khâu trong quá trình giáo dục, một cấp học trong từng thời kì khá phổ biến. Chẳng hạn, ở Malaysia, có nhiều giai đoạn đổi mới giáo dục, giai đoạn đầu tập trung cho giáo dục tiểu học, giai đoạn tiếp theo dành trọng tâm cho giáo dục trung học. Ở Hàn Quốc, trong đổi mới giáo dục lần thứ 7 và cuộc đổi mới hiện nay do Tổng thống Hàn Quốc Lee Myung Bak khởi xướng, tập trung vào giáo dục trung học.

Việc lựa chọn lĩnh vực ưu tiên cần đáp ứng ngay các nhu cầu nhân lực trước mắt, đồng thời đáp ứng giải quyết những “mắt xích quan trọng” của hệ thống giáo dục, xác định trọng tâm trong đổi mới giáo dục căn cứ vào chiến lược tổng thể phát triển giáo dục của đất nước.

Trọng tâm đầu tư cũng được xét ở các cấp độ khác nhau: cấp độ hệ thống quốc gia, cấp độ từng cấp học và trình độ đào tạo, cấp độ trung ương và cấp độ địa phương.

Trong đổi mới giáo dục Việt Nam, trước hết là tìm trọng điểm đầu tư trong hệ thống giáo dục quốc dân; *Đầu tư nâng cao chất lượng là một trọng tâm đối*

với toàn hệ thống. Thực tế cho thấy trong vài chục năm qua, quy mô phát triển giáo dục nhanh, đảm bảo huy động học sinh, sinh viên đến trường với số lượng đông. Tuy nhiên, chất lượng giáo dục ở phổ thông còn thấp. Đặc biệt, chất lượng đào tạo đại học và nghề chưa đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động⁶.

Trình độ đào tạo đại học của chúng ta vẫn còn cách xa so với các nước, kể cả các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia.

Đầu tư đào tạo nhân tài phải được coi là một trọng tâm quan trọng trong sự nghiệp giáo dục. Ở giáo dục phổ thông, mặc dù chúng ta đã đạt được nhiều thành công trong phổ cập giáo dục tiểu học và THCS, nhưng chất lượng ở tất cả các cấp học vẫn là một thách thức.

⁶ Báo cáo khảo sát "200 doanh nghiệp top của Việt Nam" của UNDP – Hà Nội xuất bản tháng 9-2007 cho biết: Qua phỏng vấn, các chủ doanh nghiệp Việt Nam đều cho rằng (a) Họ phải đào tạo lại hầu hết mọi người ở mọi cấp bậc – học nghề, đại học, sau đại học – mà họ nhận vào doanh nghiệp của mình; (b) Họ không tin tưởng vào hệ thống đại học và các viện nghiên cứu trong nước vì chất lượng giảng dạy thấp; nội dung yếu và lạc hậu; khả năng nghiên cứu thấp; sách vở và thiết bị đều thiếu, không đồng bộ, cũ kĩ, rất yếu về ngoại ngữ, năng lực tổ chức và quản lý thấp...

Tình hình chung nguồn nhân lực của nước ta hiện nay vẫn còn khoảng 70% lao động cả nước trong lĩnh vực nông nghiệp; tỉ lệ học sinh trên triệu dân, tỉ lệ số trường các loại trên triệu dân, tỉ lệ số trường đại học trên triệu dân; tỉ lệ tốt nghiệp đại học trên triệu dân, tỉ lệ có học vị tiến sĩ trên triệu dân của nước ta đều cao hơn tất cả các nước có mức thu nhập bình quân theo đầu người tương đương như Thái Lan, nhưng chất lượng đang có nhiều vấn đề. Điều tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2006 cho thấy cả nước có tới 63% số sinh viên ra trường không có việc làm, 37% số còn lại có việc làm thì hầu hết phải đào tạo lại và có nhiều người không làm đúng nghề mình đã học, trong khi đó nhiều doanh nghiệp, kể cả những doanh nghiệp có FDI và nhiều dự án kinh tế quan trọng khác rất thiếu lực lượng chuyên nghiệp. Khoảng 2/3 số người có học vị tiến sĩ trong cả nước không làm khoa học mà đang làm công tác quản lý; số bài báo khoa học được công bố hàng năm chỉ bằng khoảng ¼ của Thái Lan, mặc dù số tiến sĩ của ta hàng năm nhận bằng thường nhiều hơn của Thái Lan, có năm cao gần gấp đôi... Nguồn nhân lực nước ta đứng trước tình hình: trẻ (tính theo tuổi đời trung bình – một ưu thế lớn), đông (một ưu thế lớn khác, nước có dân số đứng thứ 13 trên thế giới), nhưng tỉ lệ tính trên triệu dân của số người có nghề và có trình độ chuyên môn rất thấp so với tất cả các nước trong nhóm ASEAN 6 và Trung Quốc; số cán bộ kỹ trị và có trình độ quản lý cao rất ít so với dân số cũng như so với quy mô nền kinh tế. Theo điều tra của Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2005: Nguồn nhân lực Việt Nam về chất lượng được xếp hạng 53 trên 59 quốc gia được khảo sát, song mặt cần đổi mới nghiêm trọng: - Ở Việt Nam cứ 1 cán bộ tốt nghiệp đại học có 1,16 cán bộ tốt nghiệp trung cấp và 0,92 công nhân kỹ thuật, trong khi đó tỉ lệ này của thế giới là 4 và 10; Cứ 1 vạn dân có 181 sinh viên đại học, trong khi đó của thế giới là 100, của Trung Quốc là 140 mặc dù mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người của Trung Quốc khoảng gấp đôi của nước ta... Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam thấp nhiều so với các nước ASEAN và Trung Quốc. Về chất lượng giáo dục phổ thông, rõ ràng đang thấp, có thể minh họa qua nhận xét của giáo viên dạy ở các trường, đặc biệt là trường ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa. Việc UBND Thành phố Đà Nẵng tuyên bố không tuyển những người có bằng đại học tại chức vào hệ thống công chức, tỉnh Nam Định vừa thông báo chủ trương không tuyển dụng công chức là những người tốt nghiệp đại học dân lập, tư thục hay tại chức; là do chất lượng đào tạo của các trường này không đảm bảo.

Việc bỏ thi ở THCS dẫn tới chất lượng của học sinh THCS giảm sút là một hiện tượng thấy rõ. Chất lượng thấp kém của giáo dục có nguyên nhân trước hết do chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý thấp.

Cũng từ góc độ toàn hệ thống giáo dục, do nhìn nhận nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh của nhân lực, trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực đã tới rất gần, cần coi đào tạo ở đại học và đào tạo nghề là một trọng tâm ưu tiên trong giai đoạn trước mắt. Ngay trong đào tạo đại học và nghề cũng phải xác định trọng tâm là các ngành nghề đáp ứng cạnh tranh trong khu vực, cạnh tranh với các thị trường lớn như Mỹ, Trung Quốc, EU.

Với giáo dục phổ thông, trong 3 cấp học: tiểu học, THCS và trung học phổ thông thì cần chọn phát triển trung học phổ thông là trọng tâm.

Trong giáo dục phổ thông, trọng tâm không phải là quy mô giáo dục mà là nâng cao chất lượng giáo dục, trong đó điểm nhấn quan trọng là nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên. Trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, trọng tâm là đổi mới phương pháp dạy học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tình hình giáo dục do Bộ trưởng GD-ĐT thay mặt Chính phủ trình bày trước Quốc hội, 15/11/2005.
2. HOFMAN, R. H., HOFMAN, W. H. A., GRAY, J. M., & DALY, P. (2005). *Institutional context of education systems in Europe: a cross-country comparison on quality and equity*. Kluwer Academic Publishers, New York, USA.
3. Luật "Không để trẻ em nào tụt hậu:" 2001 của Mỹ.
4. Nghị quyết của Quốc hội số 37/QH về giáo dục.
5. OECD,. *Knowledge and skills for life: first results from PISA 2000*. OECD Publishing, Paris, France, 2001.
6. Thông báo Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020.
7. UNESCO, *Thống kê về giáo dục*, 2009.

SUMMARY

The article has analyzed and produced some major contradictions aimed at renovating current educational methods. These include: 1/ contradiction between attaching importance to the vision of education and specific activities in educational development; 2/ the contradiction in terms of lagging behind other countries with regard to investment for education; 3/ the contradiction between how the educational model is designed and implemented and the law for giving birth to new factors in socio-economic development; 4/ the contradiction to the demand for generating driving force for education and the bureaucratic and subsidized management mechanism and so forth...